

Bản án số: 178/2024/DS-PT

Ngày 20/9/2024

V/v "Tranh chấp yêu cầu  
thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Bà Mai Vương Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Nguyễn Văn Hưng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2024/DSPT ngày 13 tháng 8 năm 2024 về việc: "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 164/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 273/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hữu T - Sinh năm: 1951 - Địa chỉ thường trú: A khu phố C, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: Số B đường P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thị Thanh P - Sinh năm: 1993 - Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. (Giấy uỷ quyền lập ngày 14/3/2024). (Có mặt).

\* *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Phong C - Sinh năm: 1959 - Địa chỉ: Số B đường P, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị Phi L - Sinh năm: 1965 - Địa chỉ: Lô B - B2 - 18 khu E, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Phi L1 - Sinh năm: 1960 - Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. (Giấy uỷ quyền ngày 02/4/2024). (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Phi P1 - Sinh năm: 1963. Địa chỉ: H đường N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

\* *Người làm chứng*:

1. Ông Nguyễn Ngọc T1 - Sinh năm: 1957 - Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ P2 - Sinh năm: 1974. Địa chỉ: Số A đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Phong C, là Bị đơn và bà Nguyễn Thị Phi P1, là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:**

\* *Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2024 và ngày 19/3/2024 của nguyên đơn, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T là bà Lê Thị Thanh P trình bày:*

Cha mẹ của ông Nguyễn Hữu T là ông Nguyễn H và bà Lê Thị G có 7 người con, gồm: ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Phong C, bà Nguyễn Thị Phi L1, bà Nguyễn Thị Phi P1, bà Nguyễn Thị Phi L, bà Nguyễn Thị T2 (đã chết). Cha mẹ ông T chết không để lại di chúc, không có con nuôi con riêng. Tài sản cha mẹ ông T để lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 4; địa chỉ: Số A đường T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3401042362 do UBND thành phố Đ cấp ngày 25/3/2003). Ngày 03/9/2019, các anh chị em trong gia đình ông T đồng thời cũng là các đồng thừa kế đã tổ chức họp về việc nhận thừa kế. Cuộc họp được lập biên bản và được các đồng thừa kế thống nhất ký tên. Tại cuộc họp này các anh chị em ông Nguyễn Hữu T đều đã thống nhất cử bà Nguyễn Thị Phi L đại diện

các đồng thừa kế để thực hiện các thủ tục nhận di sản thừa kế. Sau khi hoàn thành thủ tục, bà L sẽ đại diện để chuyển nhượng phần tài sản là thửa đất mà cha mẹ để lại tại địa chỉ: Số A đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Số tiền sau khi chuyển nhượng thửa đất này được sử dụng cho việc xây dựng nhà thờ cha mẹ, khoản tiền còn lại sau khi xây dựng nhà thờ được chia đều cho các anh chị em. Sau khi hoàn tất việc xây dựng nhà thờ, bà L thông báo số tiền còn lại mỗi người thừa kế sẽ nhận được là 2.550.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và bà L sẽ tự phân chia và gửi cho mỗi người. Năm 2021, bà L đã chuyển khoản nhiều lần vào tài khoản ngân hàng cá nhân của ông Nguyễn Hữu T (STK 5590206028869 Ngân hàng N - Chi nhánh K) với tổng số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), cụ thể như sau: Ngày 11.8.2021, chuyển khoản lần đầu với số tiền 450.000.000 đồng. Ngày 11.8.2021, chuyển khoản lần 2 với số tiền 410.000.000 đồng. Ngày 11.8.2021, chuyển khoản lần 3 với số tiền 390.000.000 đồng. Ngày 01.12.2021, chuyển khoản với số tiền 50.000.000 đồng. Hiện nay bà L vẫn chưa chuyển cho ông Nguyễn Hữu T số tiền còn lại là 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng). Mặc dù ông T đã nhiều lần liên hệ, tìm gặp và yêu cầu bà L trả nhưng không có kết quả. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Phi L trả ngay cho ông T số tiền 1.250.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, tại đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2024, ông Nguyễn Hữu T trình bày: Hiện nay, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông Nguyễn Hữu T với lý do đã giao số tiền còn lại nêu trên cho bà Nguyễn Thị Phong C giữ hộ. Việc bà L giao số tiền 1.250.000.000 đồng cho bà C thì ông T đã đồng ý. Do vậy, ông T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó ông đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Phong C trả ngay cho ông T số tiền 1.250.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn nộp bản chính Biên bản họp gia đình ngày 03/9/2029 và giấy đề nghị xác nhận ngày 02/8/2023. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là: Buộc bà Nguyễn Thị Phong C phải trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 1.250.000.000 đồng và đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*\* Tại đơn trình bày, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Phong C trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế của ba mẹ bà là ông Nguyễn H và bà Lê Thị G. Sau khi

phân chia di sản thừa kế thì mỗi người thừa kế sẽ nhận được là 2.550.000.000 đồng. Bà L đã chuyển cho ông T số tiền 1.300.000.000 đồng, còn số tiền 1.250.000.000 đồng thì vào khoảng tháng 6/2022 bà L đã chuyển cho bà giữ. Bà có nói với ông T là bà chỉ giữ số tiền 1.250.000.000 đồng trong vòng 7 ngày (từ ngày 06/6/2022 đến ngày 13/6/2022). Tại cuộc họp gia đình vào ngày 06/6/2022 có mặt bà, ông Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Mỹ P2, bà Nguyễn Thị Phi P1, bà Nguyễn Thị Phi L, bà Nguyễn Thị Phi L1 đã thống nhất chuyển số tiền 1.250.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Phi P1. Sau cuộc họp gia đình đó, thì bà có đến nhà Nguyễn Thị Mỹ P2 gặp ông T xác nhận và ông T đã đồng ý bằng miệng để bà chuyển số tiền 1.250.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Phi P1. Hết thời hạn 7 ngày như trong nội dung các anh chị em đã thống nhất trong cuộc họp ngày 06/6/2022 thì bà có gọi điện thoại nói ông T là bà sẽ chuyển tiền cho bà P1 thì ông T đồng ý. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không đồng ý do bà đã chuyển số tiền 1.250.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Phi P1 theo sự đồng ý của ông T.

*\* Tại đơn trình bày, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phi L là bà Nguyễn Thị Phi L1 trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế của ba mẹ bà là ông Nguyễn H và bà Lê Thị G. Sau khi phân chia di sản thừa kế thì mỗi người thừa kế sẽ nhận được là 2.550.000.000 đồng. Năm 2021, bà L đã chuyển khoản nhiều lần vào tài khoản ngân hàng cá nhân của ông Nguyễn Hữu T với tổng số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng). Số tiền còn lại 1.250.000.000 đồng thì khoảng năm 2022 bà L đã chuyển cho bà C dưới sự đồng ý của ông T, cụ thể: Tại cuộc họp gia đình vào sáng ngày 07/6/2022 có mặt bà, ông Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Mỹ P2, bà Nguyễn Thị Phi P1, bà Nguyễn Thị Phi C1 đã thống nhất chuyển số tiền 1.250.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Phi P1. Bà C1 chuyển số tiền trên cho bà P1, có sự làm chứng của các anh chị em khác trong gia đình. Bà đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đối với bà Phong C. Số tiền 1.250.000.000 đồng hiện nay do bà Nguyễn Thị Phi P1 giữ.

*\* Tại đơn trình bày, quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phi P1 trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn

về việc phân chia di sản thừa kế của ba mẹ bà là ông Nguyễn H và bà Lê Thị G. Sau khi phân chia di sản thừa kế thì mỗi người thừa kế sẽ nhận được là 2.550.000.000 đồng. Bà L đã chuyển cho ông T số tiền 1.300.000.000 đồng, còn lại là 1.250.000.000 đồng. Số tiền này hiện tại bà đang giữ. Lý do bà giữ số tiền 1.250.000.000 đồng của ông T là do giữa bà và ông T có tranh chấp liên quan đến tài sản tại đường X, nay là đường N, thành phố Hồ Chí Minh, có công sức đóng góp của bà. Năm 2015, ông Thuyên chuyển căn nhà trên với số tiền 7.500.000.000 đồng thì ông T chỉ giao cho bà nhiều lần với tổng số tiền 500.000.000 đồng. Tranh chấp này, bà sẽ khởi kiện ông T trong vụ án khác.

Tại cuộc họp gia đình vào ngày 06/6/2022, bà Phi L có ý kiến không giữ số tiền 1.250.000.000 đồng của ông T và ông T đồng ý để bà Phi L giao số tiền trên cho bà Phong C. Vào lúc 6 giờ 30 phút sáng ngày 07/6/2022, tại nhà cháu Mỹ P2, ông T cam kết với bà Phong C trong vòng 07 ngày từ ngày hôm nay (07/06/2022 đến ngày 13/6/2022) nếu ông T không cung cấp chứng cứ ông đã trả tiền đầy đủ cho bà thì bà C sẽ chuyển giao số tiền còn lại cho bà để sau đó bà và ông T tự giải quyết với nhau, ông T đã đồng ý điều này. Tại buổi sáng này có sự chứng kiến của ông Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Phi L1, Nguyễn Thị Mỹ P2, bà, bà Nguyễn Thị Phong C. Nhưng sau 07 ngày ông T vẫn không cung cấp được chứng cứ, nên bà Phong C mới chuyển số tiền 1.250.000.000đ còn lại của ông T qua cho bà. Như vậy, tính luôn số tiền bà Phong C chuyển là 1.250.000.000 đồng cộng với 500.000.000 ông T đã trả trước thì hiện nay ông T vẫn còn nợ bà, nhưng việc đó để bà và ông T tự giải quyết với nhau. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà Phi C1 giao trả cho ông số tiền 1.250.000.000 đồng là không đúng với những gì ông T đã đồng ý tại các buổi họp gia đình cũng như gây mất tình cảm anh em trong gia đình. Vì vậy, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T. Số tiền còn lại 1.250.000.000 đồng của ông T mà bà Phi L giữ đã được ông T đồng ý để bà Phi L chuyển qua cho bà Phong C, sau đó được sự đồng ý của ông T bà C đã chuyển số tiền trên qua cho bà trước sự làm chứng của anh chị em trong gia đình. Số tiền 1.250.000.000 đồng nếu có tranh chấp là giữa bà và ông Nguyễn Hữu T, ngoài ra không liên quan đến những anh chị em khác.

Tại phiên tòa, bà P1 cung cấp bản chính biên bản họp gia đình số 3 ngày 06/6/2022, trích biên bản cuộc họp gia đình ngày 10/6/2021 và ngày 06/6/2022. Bà đề nghị HĐXX xem xét không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời có yêu cầu HĐXX xem

xét tuyên chấp nhận cho bà được quyền sở hữu số tiền 1.750.000.000 đồng (gồm 1.250.000.000 đồng bà đang giữ và 500.000.000 đồng ông T đã thanh toán) trong số tiền 7.500.000.000 đồng ông T đã bán căn nhà tại số H đường N, Thành phố Hồ Chí Minh và tuyên cho bà được cản trừ số tiền 1.250.000.000 đồng mà bà đang giữ vào số tiền ông T phải hoàn trả lại cho bà đối với công sức bà bỏ ra trong việc tạo lập căn nhà tại số H đường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

*\* Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 370 Bộ luật Dân sự;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T đối với bà Nguyễn Thị Phong C về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Phong C phải trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 1.250.000.000 đồng. *(Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phong C được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

*\* Sau khi xét xử sơ thẩm Bà Nguyễn Thị Phong C và bà Nguyễn Thị Phi P1 có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân*

dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Phong C và bà Nguyễn Thị Phi P1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Phong C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

\* Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự để Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phi P1; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phong C và giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **\* Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã triệu tập họp lệ lần thứ hai bà Nguyễn Thị Phi P1 đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Phi P1 vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Phi P1.

[2] Trong quá trình xét xử phúc thẩm, Người kháng cáo là bà Nguyễn Thị Phi P1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Do vậy, bà Nguyễn Thị Phi P1 bị coi như từ bỏ việc kháng cáo nên HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự để Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phi P1.

Mặc dù HĐXX Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phi P1 nhưng bà Nguyễn Thị Phong C và bà Nguyễn Thị Phi P1 kháng cáo cùng một nội

dung nên HĐXX xem xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phong C cũng chính là xem xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phi P1, do vậy không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Phi P1.

**\* Về nội dung:**

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Phong C giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phong C thì thấy:

[3] Theo Biên bản họp gia đình ngày 03/9/2019 thể hiện hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn H và bà Lê Thị G là ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Phong C, bà Nguyễn Thị Phi L1, bà Nguyễn Thị Phi P1, bà Nguyễn Thị T2 (đã mất, có bà Nguyễn Thị Mỹ P2 con của bà T2, là đại diện cho các cháu ngoại) đã thống nhất: *“Phần đất của ông Nguyễn H và bà Lê Thị G mất để lại không có di chúc tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: Số A T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3401042362 do UBND thành phố Đ cấp ngày 25/03/2003 là tài sản thừa kế chung của các con.... Nếu bán phải có sự đồng ý của tất cả 07 người còn theo danh sách nêu trên và trước tiên phải làm nhà thờ cho ông bà Nguyễn H và Lê Thị G, phần còn lại mới chia đều cho các con.”* Tại giấy đề nghị xác nhận 02/8/2023 của ông Nguyễn Hữu T thể hiện: *“Sau khi hoàn tất việc xây dựng nhà thờ, bà L thông báo số tiền còn lại chia đều cho 7 người thừa kế, mỗi người thừa kế nhận được số tiền là 2.550.000.000 đồng và tự phân chia”,* và phần nội dung xác nhận thể hiện: bà L xác nhận số tiền 2.550.000.000 đồng là đúng và đã chuyển 1.250.000.000 đồng còn lại của ông T cho bà C giữ dưới sự đồng ý của ông T; ông T1, bà P2, bà C đều xác nhận đã nhận đủ số tiền 2.550.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, những người thừa kế còn lại là bà L1 và bà P1 đều thừa nhận tiền nhận thừa kế là 2.550.000.000 đồng. Ông T, bà L và bà C đều thừa nhận bà L đã chuyển số tiền 1.300.000.000 đồng và còn số tiền 1.250.000.000 còn lại của ông T là bà L chuyển cho bà C giữ. Do vậy, HĐXX có căn cứ xác định số tiền thừa kế mà ông T được hưởng là 2.550.000.000 đồng và bà L đã chuyển cho ông T số tiền 1.300.000.000 đồng, số tiền còn lại là 1.250.000.000 đồng bà L đã chuyển cho bà C giữ và đã được ông T đồng ý.

[4] Theo biên bản họp gia đình số 03 ngày 06/6/2022 chỉ có ông T1 và bà L1 ký



kết, thể hiện vào lúc 14 giờ ngày 06/6/2022, tại Lô B khu E, phường H, quận C có nội dung là: “Anh T đồng ý cho L chuyển số tiền 1.250.000.000 đồng cho chị C giữ tiếp tục giữ”, và vào lúc 18 giờ ngày 06/6/2022 thể hiện nội dung: “Chị Phong C: số tiền này tôi không giữ lâu, nếu sau 07 ngày anh T không cung cấp đủ chứng cứ anh T đã thương lượng trả tiền đền bù cho P1 thì tôi sẽ chuyển số tiền này cho P1. Anh T đã đồng ý. Các thành viên trong gia đình cũng đồng ý theo ý kiến chị Phong C: Sau 07 ngày anh T không cung cấp đủ chứng cứ anh T đã thương lượng trả tiền đền bù cho P1 thì chị C sẽ chuyển số tiền này cho P1 để anh T và P1 tự giải quyết, gia đình không tham gia giúp hoà giải nữa”. Theo trích lục biên bản cuộc họp gia đình ngày 06/6/2022 có bà L1, bà P1, bà C, bà P2 và ông T1 ký, thể hiện nội dung: “Ông T thống nhất chuyển số tiền 1.250.000.000 đồng từ bà Nguyễn Thị Phi L chuyển sang cho bà Nguyễn Thị Phong C.... Ông T cũng thống nhất sau 07 ngày (06/6/2022-13/6/2022) nếu ông không gửi được giấy tờ minh chứng ra thì bà Nguyễn Thị Phong C chuyển số tiền 1.2500.000 đồng của ông T cho bà Nguyễn Thị Phi P1 giữ tạm chờ giải quyết sau”. Như vậy, căn cứ vào bản chính biên bản họp gia đình số 3 ngày 06/6/2022, trích biên bản cuộc họp gia đình ngày 06/6/2022 mà bà P1 giao nộp cho toà án thì chỉ có bà L1, bà P1, bà C, bà P2 và ông T1 ký kết và thừa nhận. Tuy nhiên, ông T không thừa nhận và trình bày không có mặt tham gia, ông không biết nội dung cuộc họp, đồng thời ông T cũng không có ký kết xác nhận, mặt khác bà C, bà L và bà P1 cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh về việc ông T đồng ý cho bà C chuyển số tiền 1.250.000.000 đồng của ông T sang cho bà P1 để cản trở công sức đóng góp của bà P1 đối với việc tạo lập căn nhà tại số H đường N, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy HĐXX xác định bà C có chuyển cho bà P1 số tiền 1.250.000.000 đồng nhưng không được sự đồng ý của ông T.

[5] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX có căn cứ xác định bà C là người được ông T cho phép giữ số tiền chia thừa kế còn lại là 1.250.000.000 đồng và việc bà C chuyển tiền cho bà P1 thì ông T không đồng ý. Hiện nay bà C vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho ông T là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông T. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà C phải thanh toán số tiền là 1.250.000.000 đồng cho ông T và giành quyền cho bà C được khởi kiện bà P1 bằng vụ án khác là đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

[6] Đối với yêu cầu của bà P1 về việc đề nghị HĐXX xem xét tuyên chấp nhận cho bà được quyền sở hữu số tiền 1.750.000.000 đồng (gồm 1.250.000.000 đồng bà đang giữ và 500.000.000 đồng ông T đã thanh toán) trong số tiền 7.500.000.000 đồng ông T đã bán căn nhà tại số H đường N, Thành phố Hồ Chí Minh và tuyên cho bà được cầm trừ số tiền 1.250.000.000 đồng mà bà đang giữ vào số tiền ông T phải hoàn trả lại cho bà đối với công sức bà bỏ ra trong căn nhà tại số H đường N, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét yêu cầu của bà P1 thì thấy: Tại phiên tòa, bà P1 mới có yêu cầu độc lập, đồng thời yêu cầu độc lập của bà không liên quan đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét mà giành quyền cho bà P1 được khởi kiện ông T trong vụ án khác là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, HĐXX thấy không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị Phong C và giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7] Về án phí:

[7.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do buộc bà Nguyễn Thị Phong C phải trả cho ông Nguyễn Cảnh T3 số tiền 1.250.000.000 đồng nên bà Nguyễn Thị Phong C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Phong C là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo nên bà Nguyễn Thị Phi P1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Thị Phong C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Phong C và bà Nguyễn Thị Phi P1 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;  
- Căn cứ Khoản 1 Điều 370 của Bộ luật dân sự;  
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phi P1.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phong C. Giữ nguyên nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T đối với bà Nguyễn Thị Phong C về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Buộc bà Nguyễn Thị Phong C phải trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 1.250.000.000 đồng. (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Phong C.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Phong C và bà Nguyễn Thị Phi P1.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ - Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Việt Dũng**